

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Thái Thị Thanh Minh

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

So với các nước trong khu vực và thế giới, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở Việt Nam gặp nhiều khó khăn để có thể cạnh tranh phát triển, tiếp cận nguồn vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh, do thiên tai và biến đổi khí hậu, dẫn đến chưa thực sự phát huy hết tiềm năng của mình. Trong nghiên cứu này, tác giả tiến hành điều tra xã hội học với 40 mẫu gồm các doanh nghiệp (DN) khu vực Đồng bằng sông Hồng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh (SXKD) là Nông - lâm - thủy sản, Công nghiệp - sản xuất, Thương mại/dịch vụ, Khai khoáng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, DN cảm nhận được sự thay đổi của thời tiết và biến đổi khí hậu (BĐKH) trong những năm gần đây. Thiệt hại do thiên tai và BĐKH mà DN gặp phải là suy giảm doanh thu (chiếm 87,5 %); gián đoạn SXKD (60 %). Số ngày bị gián đoạn hoạt động kinh doanh là dưới 5 ngày (chiếm 85 %). Trong đó, lĩnh vực Nông - lâm - thủy sản, khai khoáng hoạt động kinh doanh gián đoạn nhiều nhất. Hoạt động ứng phó BĐKH chủ yếu là điều chỉnh chiến lược kinh doanh (82,5 %), điều chỉnh giờ làm việc (80 %), nâng cấp công nghệ sản xuất (45 %) và gia cố, sửa chữa nhà xưởng (35%). Bên cạnh đó, trên 50 % DN cho biết họ có nhận thấy những cơ hội do BĐKH mang lại. DN đã đánh giá rất tích cực về hỗ trợ của chính quyền trong ứng phó thiên tai và BĐKH. Trong đó, việc cung cấp thông tin cảnh báo thời tiết sớm đã được tỷ lệ đồng thuận cao (82,5 %). Các DNNVV rất sẵn lòng điều chỉnh hoạt động để thân thiện với môi trường hơn, thể hiện 87,5 % ý kiến DN lựa chọn sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. Song yếu tố thúc đẩy DN hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường phụ thuộc lớn vào quy mô vốn (82,5 % ý kiến). Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ DN vượt qua tác động của BĐKH gồm: Tiếp cận thông tin cảnh báo/dự báo sớm thiên tai và BĐKH; Xây dựng hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến BĐKH có sự tham gia của DN; Tuyên thông và nâng cao nhận thức BĐKH cho DN; Có cơ chế tài chính hỗ trợ DN trong ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Biến đổi khí hậu; KAMET.

Abstract

Impacts of climate change on Small Medium Enterprises in the Red River delta

SMEs in Vietnam have many difficulties in competing for development, accessing capital, and expanding production and business compared to other countries in the region and the world. This was due to natural disasters and climate change, leading to not really realizing their full potential. In this study, we conducted a sociological survey with 40 SMEs in agriculture, forestry and fisheries, industry and manufacture, trade and service, and mining in the Red River Delta region. The results showed that SMEs have experienced with weather and climate change in recent years. Natural

disasters and climate change caused the decrease of revenue (87.5 %); business interruption (60 %). The number of days of business interruption was less than 5 days (85 %). In which, SMEs in agriculture, forestry, fisheries and mining were highly affected. Climate change response activities are mainly in adjusting business strategies (82.5 %), adjusting working hours (80 %), upgrading production technology (45 %) and strengthening and repairing factories (35 %). In addition, over 50 % of SMEs can find the opportunities from climate change. SMEs rated very positively about the government's support in disaster response and climate change. In which, providing early weather warning received a high consensus rate (82.5 %). SMEs are very willing to adjust their operations to be more environmentally friendly (87.5 % SMEs' opinion to use environmentally friendly materials). However, the factor that promotes SME production and business activities in an environmentally friendly manner depends largely on the size of capital (82.5 % of the opinion). In addition, policies to support SMEs to overcome the impacts of climate change include: accessing information on early warning/forecast of natural disasters and climate change; building a system of legal policies related to climate change with the participation of SMEs; communicating and raising awareness of climate change for SMEs and having financial mechanism to support SMEs in the application of new environmentally - friendly technologies.

Key word: Small and medium enterprises; Climate change; Knowledge Acquisition for Multiple Experts with Time scale.

1. Mở đầu

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Nhiều bài học thành công tại Ba Lan, Chi - Lê, Đài Loan hay Ghana đã chứng minh thực tế rằng DNNVV hoàn toàn có khả năng trở thành động lực phát triển tại các thị trường mới nổi [10].

Tại Việt Nam, DNNVV chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thể các doanh nghiệp Việt Nam. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố DNNVV hiện chiếm tỷ trọng 97 % tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, đóng góp tới 45 % vào GDP, 31 % vào tổng số thu ngân sách và thu hút hơn 5 triệu lao động [9]. Tuy nhiên, DNNVV Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn để có thể cạnh tranh phát triển, tiếp cận nguồn vốn, mở

rộng sản xuất kinh doanh, do thiên tai và biến đổi khí hậu, dẫn đến chưa thực sự phát huy hết tiềm năng của mình.

Khái niệm về DNNVV được đưa ra Luật hỗ trợ doanh nghiệp (2017) và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 là doanh nghiệp (DN) có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội không quá 200 người và đáp ứng một trong 2 tiêu chí sau: a) Tổng nguồn vốn không vượt quá 100 tỷ đồng (khoảng 4,4 triệu USD); b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không vượt quá 300 tỷ đồng (khoảng 3,2 triệu USD). Về cơ cấu DNNVV tại Việt Nam tập trung trung ba lĩnh vực lớn: Các DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp, các DNNVV trong thương mại, dịch vụ và các DNNVV hoạt động ở khu vực nông thôn.

Theo nghiên cứu của VCCI (2017) [5] cho thấy có 77 % các DN siêu nhỏ và 69 %

DN nhỏ đi lên từ mô hình hộ kinh doanh. Về trình độ học vấn của chủ DN/VV trên 60 % tốt nghiệp đại học. Cụ thể, trong nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ có 56 % chủ doanh nghiệp tốt nghiệp đại học; còn với các nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, con số này lần lượt là 61 %, 62. Tỷ lệ các chủ DN học sau đại học khá cao (trên 9 %), điều này phù hợp với quá trình hội nhập và cạnh tranh gay gắt của thị trường hiện nay. Về quy mô lao động của DNNVV ở Việt Nam (1 - 249 lao động) chiếm 96 %. Các DNNVV có vốn ngoài nước đóng góp 70 % lượng xuất khẩu [1].

Thiên tai và BĐKH đã gây rủi ro cao đối với các DNNVV [5]. Tác động tiêu cực đó là gián đoạn sản xuất kinh doanh (SXKD), năng suất lao động bị suy giảm, suy giảm doanh thu, gián đoạn kênh vận chuyển, tăng chi phí sản xuất, mạng lưới phân phối đình trệ, chất lượng sản phẩm suy giảm, thiệt hại cơ sở vật chất, thiếu nguyên liệu và nguồn nhân lực. Trong đó, các ngành nông - lâm - thủy sản là ngành chịu tác động nhiều nhất [7]. Chính vì vậy, cần có các chính sách hỗ trợ giúp DN tiếp cận thuận lợi với các nguồn lực, tiếp cận vốn, đất đai, khách hàng, nhà cung cấp, các thủ tục hành chính [9], đưa ra các phương án tăng cường khả năng thích ứng với BĐKH cho DN Việt Nam (Tổ chức Kinh doanh vì trách nhiệm xã hội, 2022 và cần có sự tham gia của DN trong xây dựng Kế hoạch thích ứng với BĐKH [2].

Nghiên cứu của NCCARF (2020) [3] chỉ ra ra DN cần thích ứng với BĐKH dựa trên 03 yếu tố: a) Duy trì khả năng kinh tế; b) Chính sách quản lý rủi ro BĐKH; c) Xác định cơ hội do BĐKH mang lại. Trong khi, nghiên cứu của UK Climate Impacts Programme (2010) [8] nhấn mạnh về

mong muốn của DN với chính quyền địa phương trong việc ứng phó với BĐKH là: a) Có chính sách BĐKH cho DN; b) Chính quyền địa phương hỗ trợ DN bị thiệt hại do BĐKH; c) Công ty bảo hiểm có sản phẩm bảo hiểm rủi ro do khí hậu.

Như vậy, thiên tai và BĐKH đã tác động đến DN nói chung và DNNVV nói riêng. Việc đánh giá tác động của BĐKH dựa trên phương pháp điều tra xã hội học. Đồng thời, có đưa ra những khó khăn mà các DNNVV, song phần giải pháp trong hỗ trợ DN có phần hạn chế, chưa gắn kết với các cam kết quốc tế của Việt Nam về BĐKH.

2. Phương pháp nghiên cứu và số liệu

2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Là phương pháp thu thập thông tin dựa vào phiếu điều tra khảo sát, mục đích để xác định tác động của BĐKH đến DNNVV và đưa ra giải pháp ứng phó với BĐKH hiện nay, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về chính sách.

Nội dung của phiếu phỏng vấn gồm 05 phần. Phần 1 là thông tin chung về DN (07 câu hỏi); Phần 2 là biểu hiện của BĐKH qua góc nhìn DN (03 câu hỏi); Phần 3 là tác động của BĐKH đến DN (05 câu hỏi với các phương án lựa chọn khác nhau); Phần 4 là ứng phó BĐKH của DN (10 câu hỏi); Phần 5 là nhận diện cơ hội và thách thức trong bối cảnh BĐKH (03 câu hỏi).

Hình thức khảo sát: online dưới dạng Google form: <https://forms.gle/i3nLkg1rGHjVZQcP9>.

Mẫu khảo sát gồm 40 DNNVV trên khu vực đồng bằng sông Hồng (ĐBSH)

2.2. Phương pháp Delphi

Là phương pháp sử dụng trong quá trình tham vấn chuyên gia. Quá trình tham vấn được lặp đi, lặp lại để thu được tính đồng thuận của chuyên gia về câu hỏi khảo sát.

Phương pháp này được áp dụng 03 giai đoạn (trước, trong và sau tham vấn). Trong nghiên cứu này, sẽ thực hiện giai đoạn tham vấn và phân tích dữ liệu sau

tham vấn. Hình thức tham vấn chuyên gia online. Các chuyên gia yêu cầu đánh giá mức độ đồng thuận với mẫu phiếu khảo sát. Mức độ đồng thuận được sắp xếp từ 1 - 5: (i) Không rõ, (ii) rất hợp lý; (iii) không hợp lý; (iv) hợp lý và (v) rất hợp lý. Kết quả đánh giá dựa vào q_i là chỉ tiêu tham vấn, Độ lệch tứ phân vị (Q_{qi}); Trung vị (M_{qi}) và Phương sai (V_{qi}) theo quy tắc KAMET (Bảng 1).

Bảng 1. Quy tắc KAMET [3]

Điều kiện	Vòng t cho tiêu chí Delphi	Vòng t + 1 cho tiêu chí Delphi
1	Nếu $M_{qi} \geq 3,5$ và $Q_{qi} \leq 0,5$ và $V_{qi} < 15\%$ thì q_i được chấp nhận và không cần phải tham vấn về q_i nữa	
2	Nếu $M_{qi} \geq 3,5$ và $V_{qi} > 15\%$ thì thực hiện vòng tiếp theo.	$M_{qi} \geq 3,5$ và $Q_{qi} \leq 0,5$ và $V_{qi} < 15\%$ thì q_i được chấp nhận và không cần phải tham vấn về q_i nữa
3	Nếu $M_{qi} \geq 3,5$ và $Q_{qi} \geq 75\%$ thì thực hiện vòng tiếp theo.	$M_{qi} \geq 3,5$ và $Q_{qi} \leq 0,5$ và $V_{qi} < 15\%$ thì q_i được chấp nhận và không cần phải tham vấn về q_i nữa
4	Nếu $M_{qi} < 3,5$ và $Q_{qi} \leq 0,5$ và $V_{qi} \leq 15\%$ thì q_i bị loại và không cần phải tham vấn về q_i thêm nữa	

Hình thức khảo sát: online dưới dạng Google form: <https://forms.gle/9sdXvqrUgjbJvHeV8>.

Số lượng chuyên gia: 08 chuyên gia trong lĩnh vực: BDKH, kinh tế, khí tượng và khí hậu học, xã hội học.

3. Kết quả và thảo luận**3.1. Kết quả tham vấn chuyên gia về mẫu phiếu khảo sát**

Phương pháp Delphi được sử dụng để đánh giá mức độ đồng thuận của chuyên gia về mẫu phiếu khảo sát về “Đánh giá tác động của BDKH đến DNNVV khu vực ĐBSH”. Việc lựa chọn chuyên gia tham vấn gồm: 02 chuyên gia lĩnh vực BDKH, 02 chuyên gia kinh tế, 02 chuyên gia khí

tượng và khí hậu học, 02 chuyên gia lĩnh vực xã hội học. Kết quả đánh giá chỉ ra $M_{qi} = 4,5 \geq 3,5$; $Q_{qi} = 0 \leq 0,5$ và V_{qi} lớn nhất $11\% < 15\%$. Theo quy tắc KAMET (Bảng 1) mẫu phiếu khảo sát DNNVV đã được sự đồng thuận của các chuyên gia. Việc điều tra, khảo sát thu thập thông tin từ các chuyên gia dừng lại ở vòng 1.

3.2. Tác động của BDKH đến DNNVV khu vực ĐBSH**3.2.1. Thông tin chung về DNNVV**

Có 40 DN tham gia khảo sát, trong đó, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên và Vĩnh Phúc là tỉnh/thành phố có số DN tham gia nhiều nhất, ít nhất là Bắc Ninh, Ninh Bình và Nam Định. Ngoài ra, có 01 DN trong tổng số 40 DN được gọi điện

Nghiên cứu

tham vấn trực tiếp. Đây là DN chế biến nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, có xuất khẩu ra nước ngoài.

Về loại hình DNNVV có 45 % DN tư nhân, 27,5 % DN cổ phần, 12,5 % DN trách nhiệm hữu hạn (TNHH) và 15 % DN khác. Số DN vừa chiếm 70 % và DN siêu nhỏ chiếm 27,5 %.

Về lĩnh vực hoạt động DNNVV chiếm phần lớn là thương mại/dịch vụ (50 %), công nghiệp - sản xuất chiếm 27,5 %, 20 % lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, còn lại là lĩnh vực khai khoáng.

Đa phần DNNVV tham gia khảo sát không có vốn đầu tư ngoài nước, vốn đầu tư trong nước chiếm 20 %, còn lại là từ nguồn vốn khác.

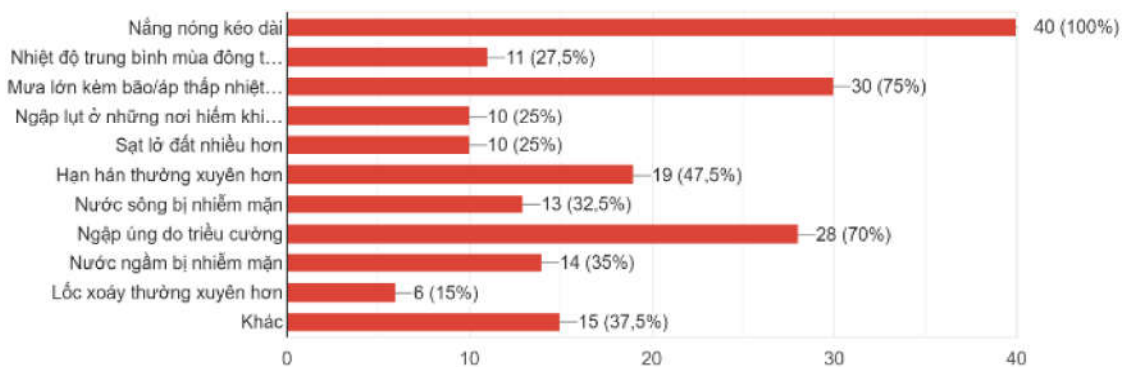
Quy mô vốn DNNVV chủ yếu dưới 5 tỷ (chiếm 62,5 %), quy mô dưới 10 lao động (chiếm 52,5 %) và từ 10 đến 50 lao động chiếm 25 %.

Thời gian hoạt động của DNNVV dưới 3 năm (chiếm 50 %), từ 3 đến 5 năm (17,5 %), 12 % DN có thời gian hoạt động dài hơn từ 16 đến 20 năm.

Như vậy, đối tượng tham gia khảo sát đa phần là DN tư nhân, hoạt động trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ, quy mô dưới 10 lao động và thời gian hoạt động dưới 3 năm.

3.2.2 Biểu hiện của BĐKH qua góc nhìn DN

Những thay đổi của các hiện tượng thời tiết và BĐKH đã được DNNVV quan sát thấy là: 100 % DN nhận thấy hiện tượng nắng nóng kéo dài phổ biến, 75 % DN phản ánh về mưa lớn kèm theo bão/áp thấp nhiệt đới, 70 % là ngập úng do triều cường và 47,5 % là hiện tượng hạn hán xuất hiện thường xuyên hơn. Một số hiện tượng khác như nước ngầm bị nhiễm mặn (35 %), nước sông bị nhiễm mặn (32,5 %). Tuy nhiên, cảm nhận về nhiệt độ trung bình mùa Đông tăng lên chỉ chiếm 27,5 % (Hình 1). Xem xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN cho thấy các DN thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản và thương mại/dịch vụ quan sát các hiện tượng thời tiết, khí hậu và BĐKH là nhiều nhất. Bởi lẽ là ngành hoạt động SXKD gắn liền với sự thay đổi của thời tiết và khí hậu, và chia sẻ của doanh nghiệp trong lĩnh vực này như sau “*Ảnh hưởng của thời tiết và khí hậu đến hoạt động sản xuất của DN trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản là rất lớn. Các hiện tượng như nắng nóng kéo dài, mưa lớn, ngập lụt, ... làm giảm chất lượng sản phẩm, đặc biệt đối với các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu có quy định rất nghiêm ngặt*”.

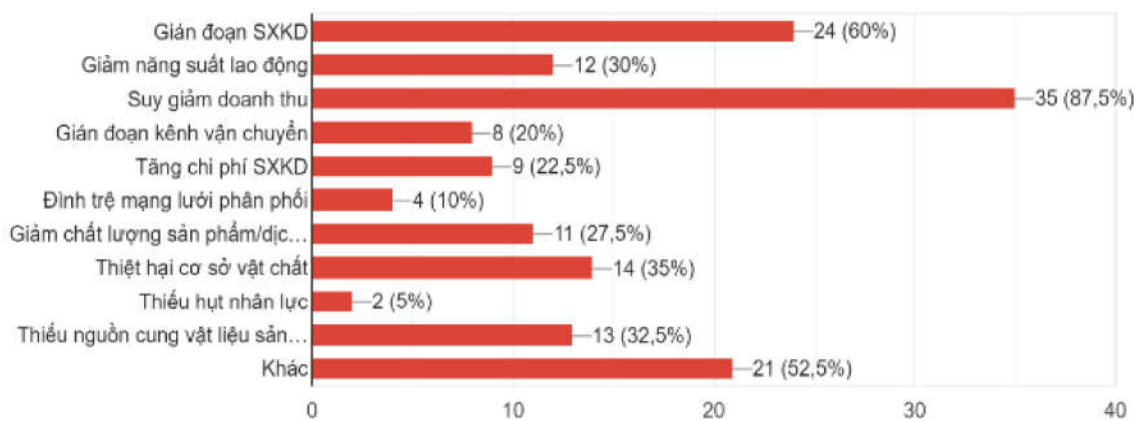


Hình 1: Nhận biết về thiên tai và BĐKH của DN

Những hiện tượng các DN vùng ĐBSH lo ngại nhất gồm: Nắng nóng kéo dài (82,5 %), mưa lớn kèm theo bão/áp thấp nhiệt đới (95 %), ngập úng do triều cường (62,5 %) và hạn hán xảy ra thường xuyên hơn (45 %). Một số DN thuộc lĩnh vực khai khoáng lo lắng về sụt lở đất, nắng nóng kéo dài và ngập lụt. Điều này gây hoạt động gián đoạn sản xuất như khan hiếm nguồn nguyên liệu, thiếu hụt nguồn lao động, giảm chất lượng sản phẩm,...

3.2.3. Tác động của BĐKH đến DNNVV

BĐKH có tác động đến DNNVV. Tỷ lệ DN lựa chọn tác động ở mức trung bình chiếm 55 %, 17,5 % ở mức cao. Trong đó, DN có thời gian hoạt động dưới 3 năm ảnh hưởng ở mức độ trung bình, từ 3 - 5 năm ảnh hưởng ở mức cao, song DN có thời gian hoạt động từ 16 năm trở lên, mức độ ảnh hưởng mức độ rất thấp (7,5 %).



Hình 2: Thiệt hại do thiên tai và BĐKH mà DN gặp phải

Thiệt hại do thiên tai và BĐKH mà DN gặp phải là suy giảm doanh thu (87,5 %); Gián đoạn SXKD (60 %) (Hình 2). Với các DN có thời gian hoạt động lâu năm (trên 20 năm) thiệt hại rất ít, chủ yếu rơi vào các DN có thời gian hoạt động dưới 5 năm. Các DN thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản thiếu nguồn cung vật liệu sản xuất, và chia sẻ của DN trong lĩnh vực này như sau “*Doanh nghiệp của chị từng thiếu nguồn nguyên liệu gừng. Nguyên nhân là do mưa nhiều dẫn đến gừng thối củ. Không đảm bảo chất lượng sản phẩm phục vụ chế biến, làm gián đoạn sản xuất, suy giảm doanh thu của công ty*”.

Số ngày gián đoạn hoạt động của DN dưới 5 năm (chiếm 85 %). DN bị gián đoạn sản xuất nhiều nhất thuộc lĩnh vực

nông - lâm - thủy sản và khai khoáng. Giá trị tổn thất dưới 10 % chiếm tỷ lệ 60 %. Mong muốn của DN đối với chính quyền trong hỗ trợ khắc phục thiên tai và BĐKH là giảm thuế (chiếm 90 %), kéo dài thời gian đóng thuế và vay vốn ưu đãi (chiếm 57,5 %). Trong đó, với DN mới thành lập (dưới 3 năm) có khuyến nghị về vay vốn ưu đãi, các DN hoạt động lâu hơn (trên 10 năm) chủ yếu đề xuất giảm thuế và kéo dài thời gian đóng thuế. Cụ thể đối với đối với lĩnh vực nông - lâm - thủy sản cho rằng “*Doanh nghiệp của chị đã tổn thất rất lớn do không có nguồn nguyên liệu gừng đảm bảo tiêu chuẩn VietGAP và giá cả cũng tăng cao. Hoạt động sản xuất gián đoạn khoảng 1 tuần, trễ thời gian xuất khẩu và thiệt hại kinh tế rất lớn. Vì vậy, chúng tôi mong chính*

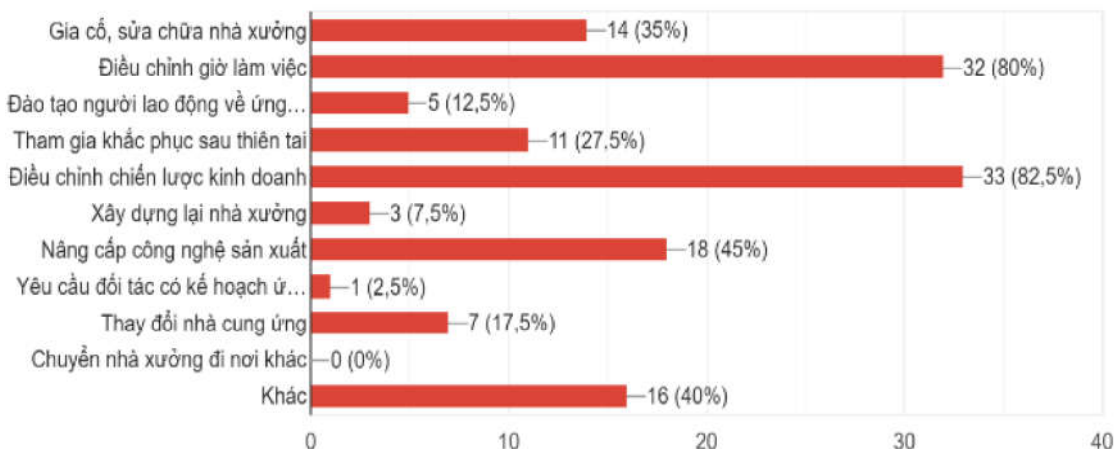
Nghiên cứu

phủ hỗ trợ giảm thuế cũng như vốn vay ưu đãi đối với các DN thiệt hại lớn do thiên tai và BĐKH”.

3.2.4. Ứng phó BĐKH của DNNVV

Các DN tham gia khảo sát đã triển khai khá nhiều hoạt động ứng phó với thiên tai và BĐKH. Trong đó, nhiều nhất

là hoạt động điều chỉnh chiến lược kinh doanh (82,5 %), điều chỉnh giờ làm việc (80 %), nâng cấp công nghệ sản xuất (45 %) và gia cố nhà xưởng (35 %), một số ít DN lựa chọn thay đổi nhà cung ứng (17,5 %), song không có DN nào lựa chọn việc di chuyển nhà xưởng (Hình 3).



Hình 3: Hoạt động ứng phó thiên tai và BĐKH của DN

Đánh giá về việc mua bảo hiểm trong phòng ngừa thiên tai được cho là hữu ích (47,5 %). Trong đó, loại sản phẩm phổ biến mà DN mua là bảo hiểm cơ sở vật chất, hàng hóa (40 %), bảo hiểm gián đoạn sản xuất (15 %) và các loại khác (60 %). Các sản phẩm bảo hiểm đã mua được DN đánh giá hữu ích. Ngoài ra, nhiều DN đã tham gia đóng góp, ứng cứu, khắc phục thiên tai, hình thức đóng góp chủ yếu là tiền mặt (chiếm 60 %).

DN đánh giá tương đối tích cực về mức độ sẵn sàng của chính quyền trong ứng phó thiên tai và BĐKH. Trong đó 82,5 % DN có nhận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai và cơ sở giao thông tại địa phương được phục hồi nhanh chóng (chiếm 60 %). Về dịch vụ hạ tầng cơ sở được đánh giá chưa cao (35 %), song đây là thông tin khích lệ. Bởi lẽ, đầu tư cơ sở hạ tầng chất lượng tốt vẫn là công việc đầy thách thức đối với

chính quyền địa phương, nhất là trong bối cảnh ngân sách hạn hẹp.

Hỗ trợ của chính quyền để khuyến khích DN chống chịu tốt với thiên tai và BĐKH cho rằng: DN cần hỗ trợ về mặt tài chính (82,5 %), hỗ trợ về truyền thông và nâng cao nhận thức về thiên tai và BĐKH (60 %) và cần hỗ trợ về kỹ thuật (22,5 %). Song có 2,5 % ý kiến cho rằng có thể tự làm và không cần sự hỗ trợ của chính quyền. Ý kiến này được đưa ra từ 01 DN có quy mô vốn, lao động và thời gian hoạt động lâu năm. Ngoài ra, 100 % ý kiến DN đồng ý với các giải pháp của chính quyền đưa ra: Hỗ trợ tài chính (vốn ưu đãi/giảm thuế), cung cấp thông tin sớm về cảnh báo thiên tai và BĐKH, xây dựng hệ thống đồng bộ chính sách, pháp luật liên quan đến BĐKH có sự tham gia đóng góp của DN, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến BĐKH cho DN.

3.2.5. Cơ hội và thách thức của DNNVV trong bối cảnh BĐKH

Trên 50 % DN cho rằng họ có cơ hội do BĐKH mang lại, cụ thể là 57,5 % DN nhận thấy có cơ hội trong việc tái cơ cấu, sắp xếp lại sản xuất; 55 % DN cho rằng đây là cơ hội tạo ra sản phẩm/dịch vụ và công nghệ mới; 42,5 % cho biết bối cảnh này mang lại cho họ cơ hội xây dựng thương hiệu, như sản phẩm thân thiện với môi trường. Chiếm một tỷ lệ nhỏ (7,5 %) các DN ý kiến rằng họ có cơ hội để tạo ra thị trường mới. Điều này được khẳng định bởi 01 DN mà chúng tôi phỏng vấn “*Sau lần trễ hẹn với đơn hàng xuất khẩu gừng. Công ty đã tái cơ cấu sản xuất, tạo ra sản phẩm mới về các loại hạt ngũ cốc và siro hoa quả với nguồn cung nguyên liệu khá dồi dào. Với thương hiệu “Giọt lành - Chắt chiu từ mẹ thiên nhiên” công ty đã liên kết sản xuất để phát huy thế mạnh của từng tác nhân trong chuỗi. Hợp tác để cùng nhau lớn mạnh và cùng nhau nâng tầm giá trị nông sản Việt*”.

Nhận diện cơ hội theo lĩnh vực, loại hình và thời gian hoạt động chỉ ra trong Bảng 1. Hầu hết các DN đều tập trung đối với việc tái cơ cấu sản xuất kinh doanh, tạo sản phẩm/dịch vụ mới, trừ lĩnh vực khai khoáng. Đối với các DN tư nhân chưa chú trọng nhiều đến xây dựng thương hiệu, song các DN có thời gian hoạt động dài, quy mô vốn và lao động lớn đa phần tập trung vào việc tạo thị trường mới, tạo sản phẩm/dịch vụ mới và các cơ hội khác.

Các DNNVV rất sẵn lòng trong việc điều chỉnh hoạt động SXKD để thân thiện với môi trường hơn. Điều này thể hiện số DN lựa chọn vật liệu thân thiện với môi trường chiếm 87,5 %; 57,5 % đào tạo tốt hơn cho người lao động; 42,5 % ứng dụng công

nghệ sạch trong hoạt động sản xuất. Điểm đáng lưu ý hơn cả, 22,5 % ý kiến DN tuyển nhân viên phụ trách về vấn đề môi trường và BĐKH. Ngoài ra, có 47,5 % lựa chọn có hoạt động khác để bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, yếu tố thúc đẩy DN hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện với môi trường phụ thuộc lớn vào quy mô vốn (82,5 % ý kiến); Xây dựng thương hiệu thân thiện với môi trường (75 % ý kiến); Tăng cường thực thi pháp luật bảo vệ môi trường (62,5 % ý kiến); Song có 20 % ý kiến cho rằng BĐKH làm gia tăng chi phí sản xuất sẽ là cơ hội cho DN cần phải thúc đẩy hành động sớm hơn trong vấn đề này.

3.2.6. Đề xuất, khuyến nghị chính sách hỗ trợ DNNVV khu vực ĐBSH vượt qua tác động của BĐKH

Qua kết quả điều tra, khảo sát các DN cho thấy, cần có một số chính sách ưu tiên, hỗ trợ DNNVV khu vực ĐBSH đẩy mạnh thực hiện như sau:

Nhà nước cần có những chính sách cụ thể đối với DN trong việc cụ thể hóa các định hướng, giải pháp ứng phó với rủi ro do thiên tai và BĐKH. Một trong những giải pháp cần thiết nhất là xây dựng một lộ trình (kịch bản) đáng tin cậy và có tính thống nhất giữa các bộ, ngành Trung ương để các DN biết và cùng tham gia thực hiện.

Xây dựng và tiến hành một chương trình truyền thông toàn diện về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với các DN ở ĐBSH, làm cơ sở cho việc thông tin thống nhất, đồng bộ để cộng đồng DN nhận thức đầy đủ, đúng đắn, từ đó nâng cao trách nhiệm trong việc phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan chủ động ứng phó.

Cần có chính sách và hệ thống quản trị tài nguyên nước ở vùng ĐBSH tốt hơn. Trong đó, chú trọng hỗ trợ DN trong việc thực hiện các dự án tiết kiệm nước trong sản xuất, quản lý chặt chẽ việc khai thác nguồn nước ngầm phục vụ sản xuất.

Đẩy mạnh việc hợp tác công tư trong quản lý rủi ro do thiên tai, BĐKH. Trong đó, các cơ quan nhà nước cần chủ động cung cấp cho DN thông tin về chính sách, dự báo BĐKH và những tác động có liên quan đến DN.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước tổ chức các hoạt động truyền thông về rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu, trong đó chú trọng tập huấn, phổ biến các phương án giúp DN lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả do tác động của thiên tai, BĐKH.

Các chính sách hỗ trợ DNNVV cần được lồng ghép vào Chiến lược quốc gia về BĐKH. Cụ thể, trọng tâm là các giải pháp sau:

Thứ nhất, tạo điều kiện cho DN được tiếp cận thông tin cảnh báo và dự báo thiên tai sớm và kịp thời. Từ đó, DN sẽ có những giải pháp phòng chống phù hợp.

Thứ hai, xây dựng hệ thống đồng bộ chính sách, pháp luật liên quan đến BĐKH có sự tham gia đóng góp của DN.

Thứ ba, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến BĐKH cho DN.

Thứ tư, cần có cơ chế tài chính hỗ trợ DN nhằm ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường, thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

4. Kết luận

DN cảm nhận được sự thay đổi của thời tiết và BĐKH trong những năm gần đây, thể hiện 100 % doanh nghiệp nhận thấy hiện tượng nắng nóng kéo dài phổ biến hơn và 75 % DN phản ánh về mưa lớn kèm theo bão/áp thấp nhiệt đới, 70 % là ngập úng do triều cường, 47,5 % là hiện tượng hạn hán thường xuyên hơn.

Thiệt hại do thiên tai và BĐKH mà DN gặp phải là suy giảm doanh thu (chiếm 87,5 %); Gián đoạn SXKD (60 %). Số ngày bị gián đoạn hoạt động trong năm vừa qua thông thường là dưới 5 ngày (chiếm 85 %). Các DN bị gián đoạn hoạt động nhiều nhất là các DN thuộc lĩnh vực nông - lâm - thủy sản, khai khoáng.

DN đã triển khai khá nhiều các hoạt động ứng phó thiên tai và BĐKH. Trong đó, nhiều nhất là hoạt động điều chỉnh chiến lược kinh doanh (82,5 %), điều chỉnh giờ làm việc (80 %), nâng cấp công nghệ sản xuất (45 %) và gia cố, sửa chữa nhà xưởng (35 %). Bên cạnh đó, trên 50 % DN cho biết họ có nhận thấy những cơ hội do BĐKH mang lại.

Khả năng ứng phó với thiên tai và BĐKH của các DN phụ thuộc không nhỏ vào hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, dịch vụ và thông tin. DN đã đánh giá rất tích cực về hỗ trợ của chính quyền trong ứng phó thiên tai và BĐKH. Trong đó, việc cung cấp thông tin cảnh báo thời tiết sớm đã được tỷ lệ đồng thuận cao (82,5 %).

Các DNNVV rất sẵn lòng điều chỉnh hoạt động để thân thiện với môi trường hơn, thể hiện 87,5 % ý kiến DN lựa chọn sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường. Song, yếu tố thúc đẩy DN hoạt động sản xuất kinh doanh thân thiện

với môi trường phụ thuộc lớn vào quy mô vốn (82,5 % ý kiến).

Các kiến nghị của DN với chính quyền đã khái quát hóa trong 04 giải pháp trọng tâm: a) Tiếp cận thông tin cảnh báo/dự báo sớm thiên tai và BĐKH; b) Xây dựng hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến BĐKH có sự tham gia của DN; c) Tuyên thông và nâng cao nhận thức BĐKH cho DN; d) Có cơ chế tài chính hỗ trợ DN trong ứng dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hỗ trợ kinh phí năm 2022 với tên đề tài “*Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực đồng bằng sông Hồng*”, Mã số: 13.01.22.A01 do TS. Thái Thị Thanh Minh là chủ nhiệm đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. OECD Studies on SMEs and Entrepreneurship (2021). *Báo cáo chính sách DNNVV và khởi nghiệp tại Việt Nam*.

[2]. Cục Biến đổi khí hậu (2020). *Sự tham gia của thành phần tư nhân thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu*.

[3]. Chu Thị Thanh Hương (2018). *Nghiên cứu cơ khoa học trong việc đánh giá các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu - áp dụng cho tỉnh Quảng Ngãi*. Luận án tiến sĩ kiểm soát và bảo vệ môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

[4]. National Climate Change Adaptation Research Facility (2020). *Ensuring business and industry are ready for climate change*. Policy Guidance Brief 11.

[5]. Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI (2017). *Rủi ro thiên tai - Biến đổi khí hậu và hành động của doanh nghiệp Việt Nam*.

[6]. Tổ chức Kinh doanh vì trách nhiệm xã hội (2021). *Đánh giá tác động của BĐKH đối với hoạt động kinh doanh ở Việt Nam - Vận dụng phân tích kịch bản như một quy trình để hiểu được các rủi ro và cơ hội kinh doanh*.

[7]. Đậu Anh Tuấn và cộng sự (2020). *Thích ứng để thành công - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến doanh nghiệp Việt Nam*. Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.

[8]. UK Climate Impacts Programme (2010). *A Changing Climate for Business*. ISBN 978 - 1 - 906360 - 10 - 8.

[9]. Vũ Tiến Lộc và cộng sự (2016). *Môi trường kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*.

[10]. <https://www.mpi.gov.vn>

Bảng 2. Nhận diện cơ hội của DN trong bối cảnh BĐKH

Hoạt động	Nông - lâm - thủy sản	Công nghiệp - sản xuất	Thương mại/ dịch vụ	Khai khoáng
Tái cơ cấu SXKD	7	6	7	0
Tạo SP/DV* mới	4	6	9	0
Tạo thị trường mới	0	1	1	0
Xây dựng thương hiệu	1	1	5	1
Khác	1	4	4	0

* Ghi chú: SP/DV (sản phẩm/dịch vụ)

Loại hình DN

Hoạt động	DN Tư nhân	TNHH	Cổ phần	Khác
Tái cơ cấu SXKD	7	1	6	4
Tạo SP/DV mới	9	1	6	3

Nghiên cứu

Hoạt động	DN Tư nhân	TNHH	Cổ phần	Khác
Tạo thị trường mới	0	0	1	0
Xây dựng thương hiệu	3	0	6	2
Khác	4	0	1	3

Thời gian hoạt động

Hoạt động	Dưới 3 năm	Từ 3 - 15 năm	Từ 16 - 20 năm	Trên 20 năm
Tái cơ cấu SXKD	10	13	1	3
Tạo SP/DV mới	11	13	1	3
Tạo thị trường mới	0	0	1	1
Xây dựng thương hiệu	5	10	0	2
Khác	9	10	0	5

Quy mô vốn

Hoạt động	1 - dưới 5 tỷ	5 - dưới 10 tỷ	10 - dưới 50 tỷ	50 - dưới 200 tỷ
Tái cơ cấu SXKD	8	2	4	1
Tạo SP/DV mới	9	2	4	1
Tạo thị trường mới	0	0	1	1
Xây dựng thương hiệu	7	3	0	2
Khác	10	1	0	1

** Ghi chú: NN (nước ngoài), TN (trong nước)*

Quy mô lao động

Hoạt động	Dưới 10 LĐ*	Từ 10 - 49 LĐ	Từ 50 - 119 LĐ	Trên 200 LĐ
Tái cơ cấu SXKD	9	4	3	1
Tạo SP/DV mới	8	4	3	1
Tạo thị trường mới	0	0	2	0
Xây dựng thương hiệu	5	3	0	2
Khác	8	2	3	2

** Ghi chú: LĐ (Lao động)*

Ngày nhận bài: 13/7/2022; Ngày chấp nhận đăng: 27/9/2022